

Phần thứ III

BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA

Chương XV

CÁCH PHÁT HUY VĂN HÓA TRONG CUỘC TIẾP XÚC VĂN HÓA HIỆN NAY

Trong hoàn cảnh hiện nay, đâu đâu cũng bàn về tiếp xúc văn hóa, về việc giữ vững bản sắc và phát huy nó trong tiếp xúc. Là người thao tác luận, tôi không xét động cơ, mà xét kết quả. Có khi động cơ rất tốt, nhưng kết quả lại không như vậy. Thí dụ: trong vài chục năm nay chúng ta hết lời ca ngợi kinh tế bao cấp. Động cơ có thể hết sức tốt, nhưng kết quả hình như không khả quan. Điều này ít nhất cũng giúp chúng ta thấy tuyên truyền, vận động, và cả giáo dục nhiều khi không giúp ta đạt được kết quả mong muốn. Không phải vì ta thiếu thiện chí, nhưng vì chuyện nào có quy luật khách quan của chuyện ấy. Văn hóa Việt Nam muốn giữ vững

bản sắc của mình và muôn phát huy bản sắc ấy để làm nhân dân lao động Việt Nam giàu có bằng thu nhập riêng về văn hóa cũng phải tuân theo những quy luật chung của văn hóa thế giới trong giai đoạn hiện tại, giai đoạn của kinh tế hậu công nghiệp.

1. Tôi xin bắt đầu bằng một thành tựu văn hóa có thực, có khả năng phát huy trong giai đoạn mới, để từ đó rút ra một vài thao tác cần làm.

Thứ nhất là sơn mài. Chúng ta đều biết tranh sơn mài là một công hiến nghệ thuật của Việt Nam vào văn hóa thế giới. Câu chuyện là khá gần đây. Trước kia, Việt Nam chỉ dùng sơn mài trong nghệ trang trí, chủ yếu là đối với các đồ thờ, các câu đố. Một số nghệ sĩ Việt Nam mà trước hết là Nguyễn Gia Trí đã chuyển ngành thủ công thấp kém này nâng nó lên thành nghệ thuật, đưa nó vào hội họa. Tôi nhớ ngày nó mới ra đời có người có ý kiến chống lại, đòi kéo sơn mài về quá khứ trang trí trước đây. Nhưng những nghệ sĩ giàu tinh thần tự hào dân tộc, với say mê nghệ thuật, quyết tâm lao động cho văn hóa đất nước vẫn kiên quyết đi con đường đã chọn. Tôi đọc bài của cố họa sĩ Tô Ngọc Vân nói về sơn mài và tương lai của nó vô cùng xúc động và sung sướng. Sau mấy chục năm với sự cố gắng của nhiều thế hệ họa sĩ, sơn mài đã đứng vững như một đóng góp của nghệ thuật Việt Nam vào nghệ thuật thế giới.

Ta hãy phân tích hiện tượng có thực này để hiểu muôn bước vào nghệ thuật vào văn hóa thế giới, đem đến giàu có cho những người lao động

nghệ thuật, Việt Nam cần phải làm gì. Trước hết có một cái đã có trong dân tộc, nghề làm sơn mài. Một cái nghề của dân tộc, dựa vào những nguyên liệu sẵn có trong nước, có một truyền thống lâu dài trong nước, quen thuộc với nhân dân ta. Tạm gọi nó là bản sắc dân tộc. Đó là yếu tố thứ nhất. Nhưng nếu cái bản sắc ấy cứ nằm trơ ra đó thì chẳng bao giờ có nghệ thuật tranh sơn mài. Phải có yếu tố thứ hai: con người tài giỏi, yêu nghệ thuật và quyết tâm sống chết cho nó. Con người ấy không thể là một nghệ sĩ lèm nhèm, vì nghệ sĩ lèm nhèm làm sao hiểu được cái phi thường ẩn nấp tiềm tàng trong cái có vẻ tầm thường? Nhà nghệ sĩ ấy phải rất lớn, nắm vững nghệ thuật Đông và Tây, chứ không thể chỉ biết Đông hay chỉ biết Tây, trong đó cái biết Tây là chủ đạo, còn hơn cả cái biết về Đông. Người ta sẽ trách tôi là sùng bái phương Tây, nhưng đối với tôi, điều quan trọng không phải tôi được khen hay bị chê, mà có kết quả thực sự. Phải nắm được cái mới mới có thể chuyển hóa cũ thành mới, về đề tài, bối cảnh, màu sắc, kỹ thuật thực hiện; phải am hiểu cái mới tận xương tủy thì mới phá vỡ được cái cũ, đẩy nó sang hiện đại. Còn không thì cái cũ cứ bám lấy con người làm anh ta suốt đời mang kiếp cá chép không bao giờ hóa rồng được. Chính vì vậy sơn mài chỉ có thể chờ Nguyễn Gia Trí, con người mà ngay ở lĩnh vực hội họa hiện đại cũng là lỗi lạc. Yếu tố thứ hai này là quyết định. Thiếu một Nguyễn Gia Trí vẫn có thể có tranh sơn mài, nhưng ngành

này còn phải mò mẫm chán mới len được vào hội họa. Vai trò của nhà nghệ sĩ lớn là cực kỳ quan trọng. Rồi sau đó những người khác tiếp tục cải tiến, làm cho ngành nghệ thuật mới ngày càng đa dạng và phong phú về chất liệu, màu sắc, khả năng diễn tả... Theo tôi, nghệ sĩ Nguyễn Gia Trí xứng đáng là ông tổ trong nghề tranh sơn mài.

Nhưng vẫn chưa đủ. Còn một yếu tố thứ ba cực kỳ quan trọng là sự tham gia của khoa học, kỹ thuật. Cần có sự đóng góp của các nhà hóa học để cho tranh sơn mài chịu được mọi khí hậu, không bị nứt nẻ trong khí hậu ôn đới. Cần có sự đóng góp của các nhà văn hóa học để nêu rõ ở từng nền văn hóa thì loại đề tài nào là phù hợp với từng nền văn hóa một, với sở thích người Nhật, người Mỹ, người Pháp... Phải khảo sát xem ở từng nước, trong từng thời kỳ, trường phái nào là ăn khách, cách bố cục nào là hấp dẫn... Rồi sau đó mới đến các nghệ nhân làm theo mẫu. Chỉ có như thế ta mới tạo nên được một thị trường sơn mài đem lại danh tiếng và cả đòn la cho đất nước. Và khi sơn mài đã nhập vào cái lưới tiếp thị thì nó phục tùng các quy luật của chế độ tiếp thị trong đó dĩ nhiên phải có đầu tư.

Bài học về sơn mài có thể mở rộng. Cái áo dài nữ Việt Nam có thể xem là công hiến thứ hai, và ở đây có Nguyễn Cát Tường. Nem rán Việt Nam là cái thứ ba và vân vân.

Nhưng nhìn chung, vẫn chưa có một biểu hiện văn hóa Việt Nam nào đã nhập hẳn vào văn hóa

hậu công nghiệp. Cái áo dài nữ Việt Nam phải nói là thích hợp với phụ nữ Việt Nam. Tôi nhớ một chuyện vui. Tôi quen một nhà văn hóa Liên Xô, anh Rôman Cacmen. Anh đến Việt Nam rất sớm và có viết về văn hóa Việt Nam. Anh là một nhà điện ảnh bậc nhất. Anh than phiền: ở Việt Nam cái gì cũng đẹp nhưng phụ nữ ăn mặc không đẹp. Tôi bảo anh: Đó là vì anh ở chiến khu. Hôm nào giải phóng, anh về Hà Nội sẽ thấy phụ nữ Việt Nam mặc như thế nào. Ngày anh về Hà Nội, người ta dẫn anh đến trường nữ học Trưng Vương. Anh đứng ngơ ngẩn cả buổi sáng, rồi bảo: Đúng là tiên. Nhưng tôi chưa biết có nghệ sĩ nào tìm cách thích nghi cái áo dài nữ Việt Nam cho phụ nữ Pháp, phụ nữ Nhật... bởi vì phải quốc tế hóa cái đẹp Việt Nam. Cũng vậy, tôi chưa biết có ai đã biến nem rán Việt Nam thành thức ăn hộp... Nhưng chuyện này nếu ta không làm thì người ta làm mất, chúng ta sẽ dọn cỗ cho người khác xơi.

2. Trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa Việt Nam, tôi thấy có thái độ tinh thần luận, người ta chỉ ca ngợi và cho thế là đủ. Từ thái độ này người ta dễ dàng rơi vào hình thức luận. Chúng ta đang bước vào một thời đại mới. Mọi cái đều phải cấu trúc hóa lại mới ăn khớp với nó. Phải có sự kết hợp cái bản địa với cái mới, có thể ngoại lai, mới tạo được những đồ vật thích hợp với thế giới, vì thế giới không phải là Việt Nam. Con đường của những nghệ sĩ lớn, của những người có tâm huyết với đất nước Việt Nam. Con đường của những vị thành hoàng mới của dân tộc.

Nếu ta điểm qua những ngành nghệ thuật Việt Nam đã có mặt trên diễn đàn văn hóa thế giới thì có thể kể truyện ngắn, thơ, nhạc, họa và có những nghệ sĩ thực sự nổi tiếng. Cho phép tôi chỉ xét mặt nghệ thuật trong cơ chế tiếp thị mà không xét thêm mặt nào nữa, dù cho thái độ của tôi rất khó nghe. Nếu xét như vậy, thì thấy rằng sở dĩ các tác giả ấy nhập được vào thị trường văn hóa thế giới là vì ở họ, cái dân tộc, cái Việt Nam đã trải qua một quá trình phân đoạn hóa (segmentation), tức là không phải cái dân tộc nguyên xi, mà đã bị bẻ ra, lấy một mảnh nào đó, hay những mảnh nào đó, rồi kết hợp với cái hiện đại, được hiện đại hóa, theo đúng yêu cầu của kỹ thuật, cảm thức hiện đại, đề tài hiện đại, chứ không phải là giữ nguyên cái xưa, sau đó khoác một y phục hiện đại. Cách làm bình cũ rượu mới không ăn khách đã dành, mà cách làm bình mới rượu cũ cũng không có kết quả. Cái bản sắc phải trải qua một quá trình lắp ghép để hòa đúc vào cái mới trở thành một cái gì rất Việt Nam, không Tàu, không Tây, nhưng cũng rất mới, không phải của thời xưa. Mặc dầu thế, nó còn Việt Nam hơn chính cái cũ cũng như áo dài nữ Việt Nam là Việt Nam hơn áo tứ thân. Chuyện này phải có những nghệ sĩ lớn mới làm được, nhưng các nghệ sĩ lớn nhiều khi làm được nhưng không phổ biến được cách làm của mình để tạo nên trường phái, công trường nghệ thuật. Do đó, phải có những nhà văn hóa học quy ra các thao tác thành mèo làm việc, có thể phổ biến.

Riêng phần tôi, tự biết không phải là nghệ sĩ, dù là nghệ sĩ tồi, tôi cố gắng làm điều có thể làm. Tôi có giới thiệu tám mèo để cho tiểu thuyết dài Việt Nam có tầm vóc thế giới. Các bài này đã đăng trên báo *Sông Hương*. Sau đó, tôi giới thiệu một cách nhìn mới mà tôi gọi là "*ngữ nghĩa của hình thức*". Quyển đầu đã ra năm 1996 nhan đề "*Cách giảng văn học theo ngôn ngữ học*", rồi đến những quyển khác, tùy theo tình hình có thể chấp nhận đến đâu. Người nghiên cứu Việt Nam không thể làm như người phương Tây, anh ta phải tính sao cho sự đóng góp của mình không quá khó chịu mà lại có kết quả. Trong việc này, tôi thất bại nhiều hơn thành công, nhưng cũng không đến nỗi không nói được điều gì hữu ích cho nên mới có thể có một vài ý kiến.

Năm 1952, tôi ở Vụ Văn học nghệ thuật quen thân với các anh Văn Cao, Thé Lữ, Tô Ngọc Vân, các bác Phan Khôi, Trần Văn Giáp, Đào Duy Anh, và sống cùng một nhà với phần lớn các bậc đàn anh. Tuy còn bé, nhưng đã đọc Kant quá kỹ, và đọc hết *Bách gia chư tử*, tôi muốn tìm hiểu bằng cách nào các bậc đàn anh có thể sáng tác được những tác phẩm đã từng thu hút tôi đến như vậy? Điều tôi rất ngạc nhiên là các bậc đàn anh của tôi không trả lời được tại sao, bằng cách nào các vị đã tạo nên một sự đứt đoạn thành công. Tôi không thấy ai như *Leonard de Vinci* quy được những thao tác nghệ thuật của mình ra thành biện pháp làm việc. Họ làm rất thành công, nhưng không quy được những

công việc này ra thành thủ pháp. Sau này, đọc nhiều sách mĩ học, tôi thấy hình như Mĩ học không nói đến tâm lí học các giác quan. Tôi lại chạy vào Tâm lí học các giác quan để tìm câu trả lời. Anh Tô Ngọc Vân có cho tôi biết màu đỏ tự nó nhắc đến mặt trời và lửa cho nên gây cảm giác nóng, màu lục tự nó gây nên cảm giác lá cây cho nên mát. Tôi có gắng tự lí giải những cảm xúc của mình qua các lí thuyết nghệ thuật. Đó là nguyên nhân của điều sau này tôi gọi là thao tác.

Tôi nhìn văn hóa ở khía cạnh đồ vật bán ở thị trường, có thể nuôi sống người làm và làm giàu đất nước, nhưng vẫn nêu cao nhân cách con người Việt Nam với tính cách một đóng góp vào nhân cách con người vào thời đại này. Tham vọng của tôi là làm sao cho thế giới tiếp nhận nhân cách Việt Nam qua đồ vật làm họ ham thích. Trong việc này tôi nhìn khác một số người. Đối với đa số người cái thiếu là đầu tư, thiết bị. Tôi cho cái thiếu là ở kiến thức. Lẽ ra, câu chuyện đầu tiên là học. Học rồi mới dạy. Trong một thời gian dài sự say mê của nhiều người là "dạy". Có một quan niệm khó hiểu: cứ làm, có sai thì sửa. Đi con đường ấy không thể nào làm nước nhanh chóng giàu có được. Cái gì cũng phải học, từ khách sạn, buôn bán, du lịch, cho đến làm khoa học. Nếu không, nhà mình xây người ta không ở, khách sạn người ta không thuê, sách mình in người ta không đọc và vân vân. Bất cứ nước nào muốn đổi mới cũng bắt đầu bằng gửi người đi học. Không biết trong việc này ta có một chính sách nào

mạnh dạn không. Ta không thể ngồi trong nước đợi người ta đến để bàn chuyện tiếp xúc, mà phải sang hẳn nước người ta, tả xung hữu đột ở đồng đất nước người để hiểu người ta cần gì, thiếu gì và muốn gì, để học tập trên thực địa rồi phổ biến kinh nghiệm cho đồng bào trong nước. Nếu không, những thành công sẽ mang tính nhất thời, ngẫu nhiên, mà cái nhất thời, ngẫu nhiên không thể đổi mới được đất nước. Không có tiếp xúc văn hóa thực sự bằng trao đổi kinh nghiệm, triển lãm, gửi những đoàn nhạc, kịch... sang nước người ta, mà phải có những người làm việc thường xuyên ở nước người ta, hoạt động thành công đến mức khiến người ta thích các biểu hiện văn hóa của mình, và bắt chước nó, dù là rất ít, để cho văn hóa của họ mang những dấu ấn của văn hóa mình. Đã có những nhà điêu khắc Việt Nam thành công ngay ở nước ngoài, những người nước ngoài hát những ca khúc tiếng Việt hay chẳng thua bất kỳ ca sĩ Việt Nam nào, những tác phẩm văn học Việt Nam được chính người nước ngoài dịch ra ngôn ngữ của họ... Như vậy là đã có đột phá khẩu, và việc mở đột phá khẩu không phải là chuyện không tưởng.

Trong văn hóa như thế nào thì trong kinh tế cũng thế. Dù cho người nước ngoài đầu tư ở Việt Nam đến đâu cũng chưa phải là tiếp xúc kinh tế thực sự. Chỉ khi nào những cơ sở kinh doanh của Việt Nam thực sự bám trụ ở nước người ta, bán được những sản phẩm của chính Việt Nam ở nước người ta, lúc đó mới thực sự có tiếp xúc kinh tế.

Mà những người ấy phải làm chủ ở ngay đất nước người ta chứ không phải chỉ là bán sức lao động. Tôi hiểu cách nhìn của tôi khó nghe, nhưng đó là cách nhìn thao tác luận, không phải cách nhìn tinh thần luận. Đi dạo chơi ở Pa-ri, nơi sành ăn nhất thế giới, tôi sung sướng thấy những hàng ăn Việt Nam đông khách Pháp và người đủ mọi nước. Tôi khao khát nhìn thấy những cửa hàng bán đồ mĩ nghệ, đồ thủ công Việt Nam... ở ngay nước ngoài, như tôi đã thấy những cửa hàng Nhật Bản, Trung Hoa, Ấn Độ ở mọi nước Đông Nam Á mà tôi có dịp đến thăm. Một chị bán phở, trong các hiệu ăn ở nước ngoài có công với văn hóa Việt Nam hơn tôi, con người chỉ lo ca ngợi tiếp xúc văn hóa chung chung. Trước khi có cách mạng cũng đã có vô số người buôn bán, kinh doanh ở Việt Nam rồi. Đã có những người Việt Nam nghiên cứu nhiều mặt của văn hóa Việt Nam rồi. Nhưng vẫn chưa có tiếp xúc văn hóa, kinh tế thực sự.

3. Trong việc xây dựng một nền văn hóa, cái gì quan trọng nhất? Tai tôi chỉ nghe nói đến đầu tư, hội nghị, triển lãm, hội hè... Tôi nghĩ khác. Hệ thống khái niệm mới là quan trọng nhất. Dù ta có thành kiến đến đâu, ta cũng không thể phủ nhận rằng Thích Ca, Khổng Tử, Giê-xu, Mác đã đóng góp nhiều nhất vào văn hóa thế giới. Mà các cụ chẳng hề có đầu tư, triển lãm, cũng chẳng thấy các cụ đe nẹt ai. Các cụ chỉ lo xây dựng hệ thống khái niệm mới. Khi một hệ thống khái niệm bị hiểu sai thì mọi đầu tư, vận động, phong trào dù có tiến hành rầm

rộ đến đâu cũng không đem đến kết quả cho người lao động, tôi nói người lao động, còn dĩ nhiên là nó đem đến rất nhiều kết quả cho những người khác. Các vị chỉ cần nhìn cuộc Đại Cách mạng văn hóa Trung Quốc là thấy một sự hiểu lệch hệ thống khái niệm là có lợi hay có hại cho nhân dân lao động, cho tiếp xúc văn hóa?

Cho phép tôi giải thích cảm giác của mình đối với lời trong nhạc Văn Cao, và tranh Bùi Xuân Phái. Tôi chỉ chọn hai người đã khuất, mặc dầu nhiều người khác còn sống nay đã chết cũng làm được điều này.

Chính lời trong nhạc Văn Cao dạy cho tôi bài học về tính nhạc trong tiếng Việt. Tôi thấy nhạc anh rất Việt Nam. Thực tình tôi không thể hình dung làm thế nào mà lời nhạc Việt Nam từ chỗ rất mộc mạc trong các bài dân ca, rất sống sượng trong các bài cải lương phổ theo các bài nhạc Pháp lại được hoán cải đến mức có thể nói riêng về lời thôi, lời nhạc Việt Nam còn hay lời hơn rất nhiều nước, và Hegel có nói trong "*Mỹ học*" rằng lời của nhạc không nên quá sâu sắc. Tôi có hỏi một số bạn nhạc anh Văn là Tây hay Việt Nam thì họ nói anh không hề đưa những đoạn nhạc dân tộc vào bài hát, nhạc anh rất Tây về bối cục, tổ chức, nhưng lại hết sức Việt Nam. Tức là anh đã thực hiện được sự phân đoạn hòa mà tôi đã nói đến. Nghe những bài nhạc Việt Nam ấy gần đây, người mù nhạc như tôi cũng thấy ngay bản sắc Việt Nam của nó. Nếu ta tìm cách chuyển được sang những lời của ĐNA cho thực

đạt thì thành công sẽ chắc chắn, và đây là một chỗ rất mạnh của văn hóa Việt Nam trong cuộc hội ngộ mới mẻ này với ĐNA. Tôi có dự cuộc triển lãm tranh Bùi Xuân Phái ở Pa-ri và hỏi nhiều chuyên gia nghệ thuật Pháp tại sao tranh của ông lại được phương Tây ham chuộng đến thế. Người ta bảo ông đã đạt được trình độ nghệ thuật rất cao của phương Tây về tranh sơn dầu, lại nói được cái có thực trong lòng người phương Tây là nỗi lo âu trước một cái đẹp xưa đang tàn lụi không cứu vãn nổi, đồng thời một cô đơn rất hiện đại mà người phương Tây có trong lòng nhưng lại được diễn tả bằng một ngôn ngữ riêng của Bùi Xuân Phái, người phương Tây không làm được. Nói giọng thao tác, một tác phẩm nghệ thuật hay mĩ nghệ Việt Nam muốn bán chạy phải phương Tây về kỹ thuật thể hiện, về cảm xúc nhưng Việt Nam về cách thể hiện. Trong tiếp xúc của Việt Nam với ĐNA, Việt Nam có ưu thế hơn về mặt văn hóa. Cái ưu thế ấy phải được duy trì và phải có cách duy trì và phát huy nó. Trong tiếp xúc với ASEAN, Việt Nam có yếu hơn về kinh tế vì đổi mới muộn hơn. Nhưng về khả năng tạo nên một văn hóa hiện đại mà mang cái hồn Việt Nam thì chẳng kém ai, và có phần nhỉnh hơn, có kinh nghiệm hơn. Lí do của hiện tượng này là trong trái tim những nghệ sĩ Việt Nam, trong cái tài tạo ra một cấu trúc nghệ thuật hiện đại mà lại dân tộc. Tôi có cảm tưởng, trong cái tài này có một bề dày văn hóa và một khao khát tự thể hiện chính mình trong muôn vàn khó khăn về nội tâm cũng như về

cuộc sống. Chính đây sẽ là một đóng góp rất lớn vào văn hóa ĐNA nếu ta biết khai thác. Trong một bài khác tôi xin nói đến câu chuyện thời sự này.

4. Trung thành với cách suy nghĩ của mình trong "*Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*", tôi có thử định nghĩa một số khái niệm: văn hóa, bản sắc văn hóa, khúc xạ. Nay giờ tôi xin góp phần định nghĩa một khái niệm mới: khái niệm *nhân cách*.

Nhin về mặt nhận thức luận cần thấy rằng chủ nghĩa tư bản trước khi giành được chính quyền của nó vào cuối thế kỷ XVIII đã mất năm thế kỷ để xây dựng bộ máy khái niệm của mình. Còn Mác chỉ mới xây dựng bộ máy khái niệm để cướp chính quyền, chưa xây dựng bộ máy khái niệm để giữ và phát triển chính quyền. Lênin cho đến khi mất cũng chủ yếu thiên về việc xây dựng bộ máy khái niệm để giành chính quyền, rồi giữ chính quyền trong hoàn cảnh bị bao vây. Sau đó, những nhà tư tưởng bị coi nhẹ, ý kiến riêng dễ bị hiểu lầm, thái độ bình luận, xương sống của tư duy triết học nhường chỗ cho những huấn thị. Khủng hoảng ý thức hệ là bắt đầu từ đó. Chủ nghĩa xã hội cần một hệ thống khái niệm để tạo nên một sự tổng hợp mới văn hóa nhân loại, chứ không phải để tự vệ. Trong một thời gian dài xuất hiện nhiều ngành mang tên Mác-Lênin: xã hội học Mác-Lênin, mĩ học Mác-Lênin, sinh vật học Mác-Lênin bên cạnh hai ngành có thể gọi là Mác-Lênin: kinh tế và triết học. Khoa học chỉ có đúng hay sai, và ngay cái đúng cũng chỉ là đúng với những tiền đề nào đó. Các tiền đề này sẽ thay

đối với sự phát triển của khoa học. Làm sao có thể lấy những tiền đề chính trị làm cơ sở cho mọi khoa học được? Nếu xây dựng hệ thống khái niệm kiểu này làm sao có thể bảo vệ chủ nghĩa xã hội?

Từ "*nhân cách*" là dùng để dịch từ *personality* của Anh. Vậy để giải thích khái niệm này, tôi không thể xuất phát từ cái từ Hán Việt, mà phải xuất phát từ từ *personality*. Từ này là bắt nguồn từ từ "*persona*", Latinh nghĩa là cái "*mặt nạ*" mà diễn viên đeo vào mặt khi đóng kịch. Trong kịch Hy Lạp, La Mã cổ đại khi đóng kịch diễn viên đeo một mặt nạ riêng phù hợp với cái vai của mình: thần linh, vua, lính... Cuộc đời có thể xem như một màn kịch, trong đó tôi đóng nhiều vai khác nhau. Chỉ xem tiếng Việt ta cũng thấy điều này rất rõ: với con thì tôi là cha, với cha thì tôi là con, với vợ thì tôi là chồng, với người trong nước thì tôi là đồng bào, với trách nhiệm đối với nước trước hết tôi là công dân, rồi sau đó tùy cương vị của tôi trong xã hội mà tôi là cán bộ, đảng viên, lính hay tướng... Tùy theo cách tôi đóng vai của tôi trong mọi quan hệ xã hội mà tôi có nhân cách như thế nào: Kém hay khá, cao hay thấp. Người ta đánh giá tôi theo cương vị xã hội của tôi, nhưng đó chỉ là bên ngoài. Còn bên trong, xét về thực chất bao giờ người ta cũng đánh giá tôi theo nhân cách của tôi, tức là theo cách tôi ứng xử với mọi người trong cái vai của tôi trong vô số hoàn cảnh khác nhau. Căn cứ vào đó, người ta sẽ nói tôi có nhân cách, có nhân cách cao, hay thiếu nhân cách, nhân cách tồi. Sự đánh giá nhân cách

không mảy may lệ thuộc vào cương vị xã hội. Khi tôi là anh tham ô thì dù ở cương vị gì người Việt Nam cũng không quý trọng nhân cách của tôi, chính kẻ đang quỳ trước mặt tôi lại là kẻ coi khinh tôi nhất, vì trong thâm tâm anh ta, thì tôi chỉ là một công cụ cho anh ta lợi dụng. Còn khi tôi có nhân cách cao thì ngay dù cho kẻ đưa tôi lên máy chém chém tôi, cũng xấu hổ trong lòng. Trường hợp bọn thực dân đế quốc đối với những người yêu nước Việt Nam là thế.

Đằng sau sự tiếp xúc văn hóa có cái gì là mẫu số chung không? Một mẫu số chung cho mọi nền văn hóa, cho mọi thời đại? Tìm cái mẫu số chung ấy là quyết định. Tại sao vậy? Bởi vì tôi chỉ nhận cái của anh khi tôi cần nó, thiếu nó, thích nó. Mà cái tôi cần, tôi thích, tôi thiếu hay tôi quý, xét cho cùng là một cái gì đã có trong tôi với tính cách một nhu cầu. Tôi ăn cơm, ăn kẹo hay ăn phở là vì ba cái này là thức ăn đối với con người. Trái lại, đá không phải là thức ăn, nên tôi không có nhu cầu ăn đá.

Nhân cách là cái phạm trù có mặt trong mọi xã hội, dù cho nó cao hay thấp đến đâu, là cái mọi con người không phân biệt xưa nay, không chia Nam Bắc đều mang trong lòng. Có những xã hội không có cá nhân, thí dụ các xã hội nguyên thủy, ý thức về cá nhân không phải xã hội nào cũng có. Trong Trung Quốc cổ và Việt Nam trước kia cũng thế, ý thức về cá nhân chỉ có mặt ở những người tự nguyện

tách khỏi xã hội theo một cách nào đó, hay cảm thấy mình một phần lạc lõng so với cái xã hội hiện hành. Họ phần nào không ăn khớp với xã hội, hay ít nhất là không hòa nhập với nó, cho nên họ khác người trong việc duy trì một nhân cách không quen thuộc với xã hội. Điều này Dumont đã nói trong "*Homo Hierarchicus*" (Con người tôn ti) tôi thấy không cần thảo luận ở đây, vì câu chuyện rất dài. Nhưng có điều ta phải thấy đó là phần lớn văn hóa ở những xã hội tổng thể luận (wholistic Society) chính là do những anh chàng ở ngoài lề này tạo nên. Những anh chàng này khá phức tạp. Trong một xã hội xây dựng trên tôn ti, có những lúc con người khó lòng nói thẳng ý nghĩ của mình. Lúc đó, có những người ở ngay trong cái xã hội tôn ti luận vẫn có những cách ứng xử riêng, biểu hiện một nhân cách khác nhưng rất tha thiết với họ, những trung thần, những người thủy chung vì cái họ cho là đạo nghĩa. Nếu như họ không có ảnh hưởng với đương thời thì họ vẫn sống trong lòng các thế hệ sau. Sức lôi cuốn của họ chính là ở chỗ họ vượt gộp được cái thời đại tôn ty luận để đi đến một cách biểu hiện cao của cá nhân luận. Ngược lại, trong một xã hội cá nhân luận triệt để như xã hội phương Tây, lại có những người không chấp nhận kiểu cá nhân luận để đi đến một nhân cách luận mới trong ý thức cá nhân của họ lấy hạnh phúc của những người khác làm đối tượng. Họ cũng thực hiện được một sự vượt gộp. Tôi dùng chữ "vượt gộp" để dịch chữ *dépassemement*

của Pháp, *Aufheben* của Đức. Văn hóa tinh thần ở đâu cũng là sản phẩm của sự vượt gộp. Sự vượt gộp này đã được thực hiện ở Việt Nam bởi nhà văn hóa Hồ Chí Minh. Cho nên mới có hiện tượng những người cộng sản hay không cộng sản đều tôn trọng nhân cách của Bác.

Thứ hai, *cá nhân luận* (individualism) tự nó không có gì là hư hỏng, bậy bạ hết, nó là trung hòa. Có những xã hội phi cá nhân luận như Cổ Ấn Độ, Cổ Trung Quốc, Cổ Việt Nam trước đây, xã hội nào cũng có giá trị riêng của mình, khó nói chuyện hơn kém được. Tôi dùng chữ cá nhân luận mà không dùng chữ "*chủ nghĩa cá nhân*", bởi vì chữ này đã bị hiểu lệch lạc. Một con người cá nhân luận cũng có những giá trị đạo đức rất cao, và chính giá trị của nó tạo nên văn minh phương Tây. Chỉ xin dẫn ý thức tự do, thái độ tự tin, đầu óc độc lập chịu trách nhiệm về mọi hành động của mình, tinh thần tôn trọng pháp luật, đầu óc dân chủ, lòng say mê khoa học kỹ thuật... Mỗi người như vậy đều sinh ra với một tài văn hóa rất lớn mà ta phải tiếp thu. Không những thế, văn hóa Việt Nam muốn tác động đến những con người của thế giới cá nhân luận thì chỉ có một cách là chấp nhận những yếu tố thực sự nhân đạo của cá nhân luận mà thôi.

Dù cho xã hội là tổng thể luận hay cá nhân luận, thì cái không thay đổi trong mọi xã hội là sự quý trọng nhân cách. Nhân cách không phải tự anh ta có, mà là cái người ta nhận ra ở anh qua thái

- độ ứng xử của anh với những người khác hay với những tín điều của anh. Chính vì vậy mà không một xã hội nào lại không quan tâm tới nhân cách. Bởi vì trong mọi xã hội con người đều phải có thái độ của mình đối với chính trị, phong tục tập quán, tôn giáo, xã hội. Lại có một điểm nữa làm thành cái minh triết chung cho mọi xã hội. Đó là bất chấp xã hội, cái được đánh giá cao trong nhân cách anh là: anh có nghĩ đến hạnh phúc người khác hay không, anh có sống cho người khác hay chỉ biết đến anh? Nói trắng ra, Mác cũng như mọi người cộng sản phương Tây đều là những người cá nhân luận. Mác lôi cuốn loài người chính vì cái cá nhân luận chân chính của ông chứ không phải là vì cái tổng thể luận mà ông không thể nào biết đến. Nếu ta trình bày con người cộng sản Việt Nam có ý thức cá nhân, tiêu biểu cho một cá nhân luận mới, rất cần thiết cho mọi xã hội thì con người ấy sẽ lôi cuốn thế giới. Còn nếu ta trình bày anh ta thành một con người tổng thể luận thì dù cho anh ta có hy sinh anh dũng đến mấy cũng chẳng lôi cuốn được thế giới. Thế giới sẽ tưởng lầm anh ta với người vợ trẻ Ấn Độ lao mình trong lửa chết theo chồng để tuân thủ tập tục. Một anh chàng Lôi Phong của Trung Quốc dù cho Trung Quốc có ca ngợi đến đâu cũng chẳng lay động được người phương Tây vì anh ta được giới thiệu một cách tổng thể luận. Tôi sợ là có nhiều nhà phê bình Việt Nam thiên về tổng thể luận. Tôi sợ trong khẩu hiệu "*tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân*" có cái gì của tổng thể luận.

5. Tôi nghĩ rằng đã có những ngày Việt Nam thức tỉnh lương tri loài người. Nếu ta có thao tác làm việc ta đã đạt được nhiều kết quả. Nhưng thành kiến của ta với cá nhân luận làm hỏng mất cơ hội ngàn năm. Tôi lấy một trường hợp ai cũng biết. Một bà mẹ có hai ba đứa con hy sinh cho Tổ quốc. Đôi với một bà mẹ không có gì quý hơn là đứa con bà đã sinh ra. Cái gì đã khiến một bà mẹ chấp nhận sự hi sinh to lớn ấy? Phải chăng vì quyền lợi kinh tế? Phải chăng vì bà đã thạo những lý thuyết về thặng dư giá trị? Tôi sợ là không. Bà mẹ Việt Nam cũng như mọi người dân Việt Nam hi sinh vì chính nhân cách của con người Việt Nam, vì bản sắc văn hóa Việt Nam đòi hỏi con người Việt Nam phải vươn lên đón lấy những trách nhiệm đáp ứng quyền lợi đất nước, trong đó có quyền lợi của chính họ, chứ không phải chỉ vì quyền lợi kinh tế.

Thế giới đang khủng hoảng sâu sắc về nhân cách. Khi cá nhân luận phát triển lệch lạc, con người lao vào hưởng thụ vật chất, quên mất đồng loại. Nó làm hỏng môi trường sinh sống, tìm những lạc thú về thể xác, chạy vào ma tuý, tội ác, rồi cảm thấy cô đơn, chán nản. Một tai họa kinh khủng đang đe dọa loài người. Càng làm chủ tự nhiên, nhưng không làm chủ được chính mình thì khoa học kỹ thuật không thể nào đem đến hạnh phúc cho con người được. Đã có một ngày thế giới thấy sức mạnh của nhân cách lớn hơn sức mạnh của kỹ thuật. Đã có một nước chứng minh được điều đó. Lẽ ra, nếu biết phát huy chúng ta đã góp được phần của mình

vào một sự nghiệp không thể nói là nhỏ bé được. Nhưng chúng ta đã trình bày những con người biểu hiện nhân cách mới, hiện đại, thành những con người tổng thể luận cho nên thế giới không hiểu được họ. Nếu ta biết làm thì việc gì khiến ta không có được những tác phẩm nghệ thuật có tiếng vang thế giới? Cái gì đã cản trở?

Người ta hay nói đến nguy cơ diễn biến hòa bình. Nếu chúng ta dám sống cho hạnh phúc của người lao động, dám làm đầy tớ của nhân dân lao động thì có thể có nguy cơ ấy không? Ngay thời Mỹ làm mưa làm gió, chúng ta sống hết sức thiêu thốn, nghèo khổ, tại sao lại thắng được nguy cơ diễn biến bằng vũ lực, rồi chiến thắng, rồi lại bị nguy cơ diễn biến hòa bình? Tôi nghĩ bài học của nhà danh nhân văn hóa thế giới là ở "chính tâm". Nói thế nhiều người sẽ chê tôi là hủ nho. Nhưng những tệ nạn do bệnh tham ô gây nên phải chăng là vì bọn hủ nho? Phải chăng vì thời đại đã khác thì không cần đến cần kiệm liêm chính nữa? Con người không cần kiệm liêm chính có là con người của nhân cách Việt Nam không?

Tôi đã nghe nhiều người giải thích mọi tệ hại đều do bốn ngàn năm phong kiến và mấy chục năm đế quốc. Thế những chiến thắng lẫy lừng của dân tộc cũng do phong kiến, đế quốc mà có sao?

Tôi thấy để bảo vệ văn hóa cần nhận diện nó là văn hóa gì, cái mới của nó ở đâu, nó hiện đang có những nhược điểm gì, và những nhược điểm ấy nằm ở đâu? Chúng ta phải đổi mới những gì để có

một nền văn hóa mới của thời đại mới mà lại Việt Nam?

6. Văn hóa Việt Nam theo tôi là văn hóa nhân cách luận, tức là một văn hóa lo xây dựng nhân cách con người. Để thích hợp với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nó đã chuyển từ nhân cách luận ngày xưa thành nhân cách luận cách mạng. Tính chất cách mạng này biểu hiện trong ba điều: thứ nhất, lấy nhân dân lao động làm đối tượng phục vụ, lo sao cho nhân dân có cơm ăn, áo mặc, học hành, tự do phát triển, thực sự là chủ trong mối quan hệ với nhân dân lao động và bị áp bức toàn thế giới. Thứ hai, nó tiếp thu cách phê phán chế độ tư bản, chủ nghĩa đế quốc, theo chủ nghĩa Mác-Lênin, nhưng lấy việc "*đối xử với nhau có tình có nghĩa*" làm then chốt để thực hiện chủ nghĩa này, một học thuyết của thế giới công nghiệp, hay nói khác đi, nó chấp nhận một chủ nghĩa Mác-Lênin theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Thứ ba, nó chủ trương chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Cả ba đặc điểm này đều từ ngoài vào, không phải có sẵn trong tư tưởng dân tộc, nhưng những mầm mống của nó đã có trong văn học dân gian về tình hữu ái giữa những người lao động, thái độ sống có tình có nghĩa đối với mọi người, thái độ chống đối mọi bất công áp bức. Nói khác đi, có độ khúc xạ hết sức rõ ràng. Nếu chúng ta chấp nhận một tư tưởng từ ngoài vào mà muốn cho nhân dân theo thì cũng phải chấp nhận cả độ khúc xạ nữa. Không ai kiên quyết hơn về điểm này bằng Hồ Chí Minh

"Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin là phải sống với nhau có tình nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình, có nghĩa, sao gọi là học chủ nghĩa Mác-Lênin được!..."

Toàn dân ta đã theo nhân cách luận cách mạng từ ngày có Đảng, và chính nhân cách luận này đã dẫn tới những kết quả dưới đây, khó lòng tìm thấy ở một nước thứ hai trong lịch sử loài người:

Một là, Đảng ra đời ngày 3 tháng 2 năm 1930, thì tháng 5 nông dân Nam Đàm nổi dậy rồi sau đó là Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Hai là, từ sau Xô viết Nghệ - Tĩnh, một Đảng duy nhất lãnh đạo mọi cuộc biểu tình, mọi cuộc nổi dậy.

Ba là, dù bị đàn áp khốc liệt, như trong Nam Kỳ khởi nghĩa, khởi nghĩa Bắc Sơn, Đảng ngày càng giành được uy tín tuyệt đối.

Bốn là, với đội tuyên truyền giải phóng nhỏ bé, vũ trang sơ sài đã làm chủ Việt Bắc.

Năm là, một cuộc khởi nghĩa toàn dân, chỉ bằng gậy gộc từ xã đến thành phố diễn ra và đã chiếm chính quyền toàn quốc trong 12 ngày kể từ ngày Nhật đầu hàng Đồng Minh ngày 13 tháng 8. Khiến cho khi quân đội Tưởng Giới Thạch vào ngày 28

tháng 8 bắt buộc phải điều đình với một chính quyền thống nhất trong toàn quốc và được toàn dân ủng hộ.

Sáu là, một nhân dân thuộc địa giành được độc lập thiết lập chính quyền cách mạng ngay khi ở chính quốc (Pháp) vẫn chưa diễn ra cuộc thay đổi về chế độ.

Bảy là, cũng cái chính quyền giành được chỉ trong 12 ngày lại chiến đấu suốt 30 năm trời, đánh bại hai đế quốc trong cuộc tử chiến dài nhất thế kỷ.

Tám là, cái chính quyền này là ổn định nhất trong lịch sử loài người, dù cho những người nắm chính quyền rất ít kinh nghiệm chính trị, quân sự, kinh tế.

Chín là, Mỹ đã huy động 50 chục vạn quân, tiêu hàng trăm tỷ đô la, ném một số bom nhiều nhất trong lịch sử chiến tranh, nhưng cuối cùng vẫn phải rút lui khỏi Việt Nam.

Mười là, cái chính quyền do Mỹ tôn công nhọc sức xây dựng chỉ tồn tại 4 ngày (26-4 đến 30-4-1975) trong Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Ai ngờ vực, chống đối, cứ việc kiểm tra xem có phải đây là sự thực khách quan không. Đây là điều chứng minh không thể chối cãi rằng nhân dân Việt Nam đã theo nhân cách luận cách mạng, và chính nhờ nhân cách luận cách mạng mà chúng ta đã thắng cá nhân dựa trên vũ lực của Pháp và cá nhân luận kinh tế của Mỹ.

7. Bây giờ nói đến những nhược điểm cắt nghĩa tại sao Việt Nam lại nghèo khổ.

Nguyên nhân của sự nghèo khổ không ở đâu cả mà chính trong tâm thức chúng ta, tức là ngay trong tôi, trong anh, dù cho anh phê phán người này, người nọ hay cả Đảng rất quyết liệt, những khuyết điểm sai lầm anh lên án đều có mầm mống trong anh, và đó mới chính là nguyên nhân của tình trạng lạc hậu, nghèo khổ của đất nước.

Những điều dưới đây là rút ra từ chương "Trí thức Việt Nam xưa với văn hóa" trong quyển "Tiếp xúc văn hóa Việt Nam - Trung Hoa" của tôi sẽ xuất bản. Chương này dựa vào 3 tập "Di sản Hán Nôm Việt Nam, Thư mục đê yếu", do Viện Hán Nôm biên soạn với sự cộng tác của nhóm học giả Trường Viễn Đông bác cổ Pháp, NXB KHXH, h.v, 1993. Số thư mục là 5038 quyển, nếu kể số tác phẩm độc lập thì trên 7000 quyển. Tạm thời, ta hãy thừa nhận rằng bộ thư mục này phản ánh đúng tâm thức của trí thức Việt Nam ngày xưa trước khi tiếp xúc với văn hóa Pháp. Tôi sẽ nói những điều khó nghe, nhưng con người muốn góp phần thay đổi thế giới thì phải chịu khó nghe những điều phi lí đến mức không thể tưởng tượng để cảnh giác với chính mình, nếu như chúng ta muốn thực sự bắt tay vào việc đổi mới văn hóa chứ không phải chỉ tán dương người này, mạt sát người kia như một người công chức.

Trong số sáu ngàn quyển sách thì quá nửa là sách học để đi thi, các bài mẫu, các sách giảng về các kinh truyện, các bài thơ phú viết theo lối văn chương trường óc. Không cách nào chối cãi đây là một học vấn để làm quan. Trong chương "Trí thức

Việt Nam xưa với văn hóa", tôi dẫn mã hiệu từng quyển một để người đọc tiện kiểm tra, nhưng ở đây chỉ dẫn tổng số vì không cần thiết.

Phần còn lại theo những mục như sau: Chính trị 99 quyển nói về bang giao, quan chức; Địa lý 267 quyển nói về bản đồ, địa lý toàn quốc, địa lý địa phương; kinh tế gồm 90 quyển nói về nông nghiệp, thủ công nghiệp; Lịch sử 964 quyển gồm các quyển sử, các sử liệu, các gia phả; Bình thư có 23 quyển; Tôn giáo, tư tưởng có 898 quyển; sách y dược có 395 quyển. Không có một quyển nào nói về thương nghiệp, về kỹ thuật chế tạo dụng cụ. Đây là cách nhìn quan lại, không phải cách nhìn của người sản xuất. Tuy nói là trọng nông, nhưng trong 70 quyển, thuộc loại nông nghiệp có 9 quyển nói về địa bạ, 4 quyển về cách kê khai ruộng đất, 5 quyển nói về đê điều, 18 quyển nói về việc đóng thuế, còn lại là nói về các thô sản. Toàn bộ kinh nghiệm nông nghiệp của một nước cực kỳ phong phú về mặt này không được nhắc đến. Trong sách về thủ công nghiệp chỉ thấy nói về tiểu sử các ông thành hoàng các nghè, có sự liên kết các nghè ở từng địa phương nhưng không có một chỉ dẫn nào về kỹ thuật trong khi người thợ thủ công Việt Nam nổi tiếng thế giới với bàn tay vàng, không có sách dạy nấu ăn tuy các cụ rất thích ăn ngon, chỉ có vài quyển nói về cách tạc tượng Phật.

Khi trí thức là như vậy đất nước có thể nào thoát khỏi cảnh đói nghèo không? Trong thời Pháp

thuộc tình hình cũng không thay đổi bao nhiêu. Còn bây giờ thì sao?

Phải thay đổi cách nhìn theo con đường kỹ thuật của phương Tây, tức phải là phá vỡ cái truyền thống xem diện mạo con người căn cứ vào địa vị, chức tước, gia thế, thành phần, lý lịch để chỉ chấp nhận một tiêu chí duy nhất là sự cống hiến bằng lao động, với tư cách người thợ, người bác học, người nghiên cứu, người kinh doanh trong cố gắng thay đổi một hiện trạng đã có thể dẫn tới một thao tác mới, có giá trị kinh tế. Nếu ngày xưa các ông nghè vinh quy, võng anh đi trước võng nàng đi sau được mọi người tôn trọng, thì những con người thợ giỏi, những nghệ sĩ, những nhà kinh doanh, những nhà buôn, những thầy thuốc, kỹ sư, những người sống trọn đời cho quyền lợi những người lao động đều phải có diện mạo mới. Nhân cách luận cách mạng và điểm này được Tây phương hóa nhanh chóng và triệt để để tạo nên những con người dám hy sinh cho khoa học kỹ thuật. Người ta hay nói đến sự đổi mới của Nhật Bản, nhưng sự đổi mới này là dựa trên sự tôn trọng khoa học, kỹ thuật, cái mới về tư tưởng, sự táo bạo trong kinh doanh. Chừng nào cái bệnh văn chương còn ám ảnh trí thức Việt Nam, chừng nào con đường làm quan còn là mục tiêu phấn đấu duy nhất của người trí thức thì chừng ấy chúng ta còn khổ.

Điều này theo tôi tuy khó nhưng vẫn có thể khắc phục được vì Việt Nam có truyền thống ham học, và người Việt Nam hết sức thông minh.

8. Điều dưới đây còn khó hơn. Đó là thái độ tôn trọng pháp luật, biết bao lao động tập thể kiểu công nghiệp.

Trước hết, trình bày qua các sách về pháp luật trong Viện Hán Nôm. Có 18 công trình về pháp luật trước đời Nguyễn, trong đó tiêu biểu là: Các điển lệ đời Trần Thái Tông (1225-1258), Gia pháp triều Trần, Luật hộ và hình thời Hồng Đức (1470-1497). Điều lệ nhà Lê từ 1729 đến 1779. Có 46 công trình riêng trong thời Nguyễn trước Pháp thuộc, trong đó tiêu biểu là bộ luật Gia Long, gọi là "*Hoàng Việt luật lệ*" (1813). Một số điều luật đời Minh Mạng về thôn xã, 10 điều về hình luật. Một số điều năm 1834 bổ sung luật Gia Long. Hình phạt thời Minh Mạng, Chiếu dụ của Tự Đức và biểu các quan về lễ, Luật lệ bộ hình năm 1855. Có 28 công trình về luật thời Pháp thuộc, trong đó có Dân luật (1920), Dân luật Bắc kì (1918), Hoàng Việt luật lệ (1913), Luật lệ thời Duy Tân (1908), Hình luật thời Khải Định (1925), Luật pháp thời Bảo Đại (1934).

Như vậy, không thể nói Việt Nam không có truyền thống tôn trọng luật pháp. Nhưng xét theo quan điểm văn hóa học thì dưới thời quân chủ chỉ có hình luật và bộ luật mà không có dân luật. Người dân Việt Nam trong một xã hội xưa có một thân phận riêng được công xã che chở. Anh ta được họp làng bàn việc công, được chia ruộng công, có ngôi thứ trong xã, khi lên lão được miễn thuế, sưu, khi sống có họ hàng xóm giềng đùm bọc, anh ta hoạt động trong phạm vi những khoản ước của làng (trong Viện Hán Nôm có 173 quyển bao gồm các hương

ước, khoán lè là cái không có ở Trung Quốc). Cho nên dù không có dân luật, anh ta vẫn thấy mình có thân phận. Thân phận này mất hẳn khi anh ta ra thành thị kiếm sống, phải sống giữa những người xa lạ. Không ai đêm xia tới gia thế, họ hàng, bà con của anh ta. Để bùi cứu tình trạng này phải có dân luật. Dĩ nhiên dân luật thời Pháp thuộc không thể so sánh với dân luật Hy Lạp, La Mã, và các nước châu Âu từ sau cách mạng, mà tiêu biểu là bộ luật Na-pô-lê-ông có uy tín thế giới, bởi vì cái gọi là dân luật là để củng cố thân phận nô lệ của anh ta.

Trong thời gian tiến hành kháng chiến có sự chậm trễ trong việc xây dựng dân luật. Tuy có hiến pháp khẳng định quyền bình đẳng giữ mọi người, quyền bầu cử, ứng cử, quyền nam nữ bình đẳng... nhưng khi toàn dân đến cái mạng của mình còn chưa nghĩ đến thì dù có thiếu dân luật cũng không gây trở ngại.

Trong tình trạng hiện nay, khi trở lại hòa bình, lại mở cửa, khi hàng triệu, hàng chục triệu người rời khỏi nông thôn, tình trạng cần đến dân luật là tình trạng sống còn. Người dân rời khỏi thành thị nói chung sống lương thiện cho nên họ không quan tâm mấy tới hình luật, họ không có ruộng đất cho nên bộ luật ít ảnh hưởng đến họ. Nhưng nếu không có dân luật họ sẽ không có thân phận. Họ cần phải giết họ có thể làm được những gì, được những ai, những cơ quan nào che chở trong cuộc đời lao động của họ, những hình thức lao động nào là được khuyến khích, nâng đỡ. Có thể mới xứng đáng với cái thân

phận mới mà họ được hưởng là chuyển từ người dân nô lệ sang con người độc lập, tự do, có cuộc sống xứng đáng với con người.

Trong khoảng 20 năm gần đây đã có nhiều tiến bộ về mặt dân chủ. Những địa vị lãnh đạo bắt đầu mang tính chất công việc nhất thời, làm xong vài năm rồi thôi, chuyển cho người khác. Rất nhiều bộ luật được ban hành chủ yếu liên quan tới kinh tế, kinh doanh, bộ dân luật đang được soạn thảo. Soạn thảo bộ dân luật là khó trong tình hình hiện tại khi có nhiều người ngại nó va chạm đến tôn ty, đặc quyền của những lớp người nào đó. Nhưng trong thế giới hiện tại vai trò của đặc quyền, tôn ti phải mất. Nói như Nguyễn Ái Quốc "*Trăm điều phải có thần linh pháp quyền*". Cho nên việc soạn thảo bộ luật dân sự đã khó mà việc chấp hành nó, khiến cho toàn dân tin vào nó, thấy đó chính là thân phận mới của mình còn khó hơn.

Tôi không nghĩ có thể làm được trong vòng vài năm. Phải vài chục năm nữa người Việt Nam mới đạt được một lòng tin vào pháp luật như người phương Tây. Việc nhân dân có lòng tin này hay không, không thuộc người dân mà thuộc những cơ quan lãnh đạo. Mặc dầu vậy, một khi đã đi con đường đổi mới để nhập vào thế giới hậu công nghiệp thực tế không có con đường nào khác. Khó mấy cũng phải đi cũng như khó mấy cũng phải giải phóng dân tộc.

9. Con đường đổi mới văn hóa Việt Nam, duy trì chủ nghĩa xã hội như vậy là dựa trên bốn thành tố: Hai thành tố Tổ quốc, gia đình chỉ cần những

sửa chữa nhỏ là ổn định. Còn hai thành tố sau đòi hỏi những thay đổi cơ bản: thân phận và diện mạo. Nếu Đảng quyết tâm thực hiện được thì chẳng phải lo gì cho sự lãnh đạo của Đảng, cho sự duy trì của chủ nghĩa xã hội. Khi nhân dân theo Đảng và chủ nghĩa xã hội mà đất nước độc lập, gia đình ấm no hòa thuận, diện mạo được tôn trọng, thân phận được đảm bảo thì họ có bỏ Đảng và chủ nghĩa xã hội không? Còn âm mưu diễn biến hòa bình thì sao? Câu trả lời theo tôi đã có cuộc kháng chiến chống Mỹ chứng minh rồi. Trong câu chuyện này người trí thức dứt khoát phải vứt bỏ cái tâm lý làm quan, chấp nhận quan điểm làm đầy tớ nhân dân lao động, loại đầy tớ có đầy đủ đạo đức xã hội chủ nghĩa theo yêu cầu của Bác, và đầy đủ trình độ khoa học của người phương Tây.

Một thiếu sót nữa của tâm thức người Việt Nam là người Việt Nam lao động tập thể rất kém. Chỉ trong chiến tranh anh ta chịu làm thế và làm tốt, còn trong hòa bình anh ta lại quay lại với tâm thức xã hội nông nghiệp. Người này lấn người kia, kèn cựa, tranh giành làm cho cơ quan nào cũng rối tinh lên. Một đất nước có tiến bộ hay không là căn cứ vào chỗ nhân dân của nó có học suốt đời hay không, và trong mọi việc có sự hợp tác gắn bó vì quyền lợi chung hay không, hay vì địa vị, lợi ích riêng? Thời đại đã thay đổi trí thức cũng phải thay đổi. Cần học cách lao động, tập thể của những nước công nghiệp để tạo nên những kết quả phi thường xứng đáng với truyền thống của một nhân dân mà thế giới đã chịu là phi thường.